

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DSST

Ngày: 25-02-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Châu Nam Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Thanh Hoàng;

- Ông Châu Cương.

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên;

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:*** ông Châu Rết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy báo mở lại phiên tòa số 01/2022/TB.TA, ngày 07 Tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh An Giang, có mặt.

***2. Bị đơn:***

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959. Nơi cư trú: tổ 6, ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: tổ 6, ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp N, xã N1, huyện T2, tỉnh An Giang, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà H có một căn nhà tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh An Giang, giữa bà và bà Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Ngọc T (con gái bà H1) thỏa thuận cho bà H1, chị T thuê ở và mở quán cà phê với mức giá thỏa thuận là 5.000.000 đồng/tháng, hình thức trả tiền thuê nhà trả hàng tháng.

Sau khi chấm dứt hợp đồng thuê nhà, bà H1, chị T giao căn nhà cho bà nhưng chưa trả đủ số tiền thuê nhà, còn thiếu bà số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*). Bà có đến gặp bà H1, chị T yêu cầu trả số tiền thuê nhà còn lại nhưng bà H1 và chị T không chịu trả.

Đến ngày 03 tháng 5 năm 2019, bà H1 và chị T thống nhất làm tờ thỏa thuận chuyển sang tiền vay là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) và hứa sẽ trả mỗi tháng là 5.000.000 đồng và lãi suất là 04%/tháng cho đến khi trả dứt nợ. Nhưng đến hạn bà đến gặp bị đơn bà H1 và T đòi số tiền nhưng bị đơn không trả, né tránh.

Nay, nguyên đơn H yêu cầu bị đơn bà H1, chị T phải trả số tiền vay còn nợ là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) và bà H xin rút lại yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

*2. Quá trình tố tụng*, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Ngọc T như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo yêu cầu bị đơn có ý kiến bằng văn bản và cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt, bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 02/07/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

*Tại phiên tòa hôm nay*, nguyên đơn có mặt, vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu của mình, tuy nhiên xin rút lại yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán; không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm. Bị đơn bà H1, chị T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

*3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thì không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

*- Về nội dung vụ án:*

Đây là hợp đồng vay tài sản theo nguyên đơn Nguyễn Thị H có cung cấp tờ thỏa thuận ngày 03/5/2019 với nội dung bị đơn Nguyễn Thị H1 và Lê Thị Ngọc T có mượn nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng. Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ nhưng bị đơn không trả. Vậy, bị đơn Nguyễn Thị H1 và Lê Thị Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đến nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, nên xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do đó, nguyên đơn Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H1 và Lê Thị Ngọc T trả số tiền 15.000.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút phần tính lãi suất xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Nguyễn Thị H1 và Lê Thị Ngọc T trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị H số tiền 15.000.000 đồng và đình chỉ phần tính lãi suất do nguyên đơn rút yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

*- Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**- Về nội dung vụ án:**

[3] Tranh chấp dân sự xuất phát từ hợp đồng thuê nhà ở đã kết thúc giữa hai bên, chuyển số dư nợ thành tiền vay giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị H với bên vay là bà Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Ngọc T được thể hiện bằng văn bản được ghi nhận trong tờ “thỏa thuận lập ngày 03/5/2019”, có chữ ký của bị đơn bà H1, chị T. Theo nội dung tờ thỏa thuận này thể hiện bị đơn bà H1, chị T vay số tiền 15.000.000đ của bà H; lãi suất 04%/tháng, mỗi tháng trả lãi một lần; không có thời hạn vay.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa hai bên đã giao kết có nội dung phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết.

Quá trình vay, bị đơn bà H1, chị T chưa thể hiện việc thanh toán tiền vốn, lãi cho bà nguyên đơn bà H.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà H chỉ yêu cầu bị đơn bà H1, chị T phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) và rút lại yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

[5] Xét về chứng cứ, chứng minh:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và đã cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là có căn cứ và hợp pháp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Ngọc T không có ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc chấp nhận hay phản đối yêu cầu của nguyên đơn, mặc dù đã được Tòa án ban hành thông báo số 63/2021/TB-TA về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Ngọc T có ý kiến bằng văn bản và cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó có căn cứ và hợp pháp theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà H1, chị T mặc dù nhận được thông báo của Tòa án nhưng vẫn không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về việc có phản đối hay chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét cho bị đơn.

Vì vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn ông Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Ngọc T

phải trả cho bà H số tiền 15.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về yêu cầu tính lãi suất: tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xin rút lại yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán đối với bị đơn, xét thấy việc xin rút yêu cầu tính lãi suất là tự nguyện, có lợi cho bị đơn, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét chấp nhận, đình chỉ xét xử về yêu cầu tính lãi suất.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Ngọc T có lỗi nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (15.000.000đ x 5%) là 750.000đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 chị Lê Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*).

Đình chỉ xét xử về yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Ngọc T.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ*

*ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 375.000đ (*ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004721 ngày 16 tháng 09 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên Tòa thì được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Tịnh Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- Lưu Hs + Vt.

**Châu Nam Phú**